



## Trắc nghiệm máy TTTC

Thị trường tài chính (Học viện Tài chính)

## Chương 1 + 2 + 3

1. Chức năng cơ bản nhất của TTTC sơ cấp là:
  2. Tạo tính thanh khoản cho các công cụ tài chính
  3. **Tạo ra các công cụ tài chính**
  4. Điều tiết nền kinh tế vĩ mô
  5. Giúp chính phủ thực thi chính sách tiền tệ
2. Vai trò của thị trường tài chính là:
  1. Ổn định kinh tế vĩ mô
  2. Huy động và phân bổ vốn hiệu quả
  3. **Tất cả các phương án đều đúng**
  4. Nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tài chính
3. Tài sản nào sau đây không phải là tài sản tài chính
  1. Cổ phiếu
  2. Trái phiếu
  3. Tất cả các phương án đều không phải
  4. **Máy móc**
4. Điền vào chỗ trống: .....có thu nhập lớn hơn chi tiêu trong một giai đoạn nhất định
  1. Chủ thể thiếu vốn
  2. Ngân hàng thương mại
  3. **Chủ thể thừa vốn**
  4. Người đi vay
5. Công cụ tài chính mà có thời hạn ít hơn 1 năm được gọi là
  1. Công cụ của thị trường vốn
  2. Công cụ tiết kiệm
  3. **Công cụ của thị trường tiền tệ**
  4. Công cụ chiết khấu
6. Mục tiêu hoạt động của thị trường liên ngân hàng là:
  1. **Đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn của các NHTM và các tổ chức tài chính**
  2. Cân đối cung cầu ngoại tệ trong nền kinh tế
  3. Huy động vốn cho các NHTM
  4. Điều tiết chính sách tiền tệ và ổn định giá trị đồng tiền
8. Thị trường liên ngân hàng có đặc điểm
  1. Mức độ rủi ro cao do hoạt động chỉ dựa trên sự tín nhiệm giữa các ngân hàng
  2. **Mức độ rủi ro thấp, độ tin cậy và an toàn cao**
  3. Là thị trường giao dịch tiền tệ giữa NHTW và các NHTM
  4. Mức độ an toàn thấp
9. Mục tiêu hoạt động của thị trường là
  1. **Thực thi mục tiêu của chính sách tiền tệ trong từng giai đoạn**
  2. Cung ứng vốn cho các doanh nghiệp cần vốn
  3. Điều chỉnh tỷ giá hối đoái

4. Tạo một kênh đầu tư cho các nhà đầu tư nhỏ lẻ trên thị trường
10. Thị trường giao dịch tiền tệ giữa Ngân hàng trung ương và các tổ chức tín dụng thông qua việc mua bán các giấy tờ có giá được phép giao dịch trên thị trường là
  1. Thị trường tiền gửi và cho vay
  2. Thị trường liên ngân hàng
  3. Thị trường tín dụng ngắn hạn
  4. **Thị trường mở**
11. Một ngân hàng trung ương muốn giảm tỷ lệ lạm phát thì về cơ bản có thể:
  1. Mua tín phiếu kho bạc
  2. Dùng VND để mua USD
  3. **Bán trái phiếu chính phủ cho hệ thống ngân hàng thương mại**
  4. Mua chứng chỉ tiền gửi
12. Điền vào chỗ trống: Thị trường tiền tệ là thị trường\_\_\_\_, trong khi thị trường vốn là thị trường\_\_\_\_
  1. Thanh khoản cao, thanh khoản thấp
  2. Dài hạn; ngắn hạn
  3. Đầu tư; thanh khoản cao
  4. **Ngắn hạn; Dài hạn**
13. Thị trường trong đó vốn được chuyển từ người thừa vốn sang người thiếu vốn là
  1. Thị trường hàng hóa
  2. Thị trường lao động
  3. Thị trường nông sản
  4. **Thị trường tài chính**
14. Thị trường mua bán cổ phiếu là
  1. Thị trường ngoại hối
  2. **Thị trường vốn cổ phần**
  3. Thị trường tiền tệ
  4. Thị trường nợ
15. Thị trường vốn là thị trường giao dịch
  1. Kỳ phiếu
  2. **Các công cụ tài chính trung và dài hạn**
  3. Các công cụ tài chính ngắn hạn
  4. Tiền tệ
16. Khi so sánh chứng chỉ tiền gửi với tiền gửi tiết kiệm thông thường với cùng kỳ hạn thì lãi suất của chứng chỉ tiền gửi thường
  1. Thấp hơn
  2. Tùy trường hợp
  3. **cao hơn**
  4. Bằng nhau
17. Các giao dịch chủ yếu trên thị trường liên ngân hàng là
  1. **Tất cả các phương án đều đúng**

2. Cho vay thanh toán
  3. Vay và cho vay để bổ sung nguồn ngắn hạn của các ngân hàng thương mại
  4. bảo lãnh ngân hàng
18. Thị trường liên ngân hàng có đặc điểm:
1. Là thị trường giao dịch tiền tệ giữa NHTW và các NHTM
  2. Mức độ an toàn thấp
  3. **Mức độ rủi ro thấp, độ tin cậy và an toàn cao**
  4. Mức độ rủi ro cao do hoạt động chỉ dựa trên sự tín nhiệm giữa các ngân hàng
19. Loại công cụ được phát hành bởi ngân hàng trung ương phát hành để điều hành chính sách tiền tệ là
1. Tín phiếu kho bạc
  2. Chứng chỉ tiền gửi
  3. trái phiếu chính phủ
  4. **Tín phiếu ngân hàng trung ương**
20. Thị trường tiền gửi và cho vay là thị trường giao dịch tiền tệ giữa
1. Các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với nhau
  2. Các doanh nghiệp và các tổ chức và cá nhân trong xã hội
  3. Ngân hàng Trung ương và tổ chức tín dụng
  4. **Tổ chức tín dụng với các tổ chức cá nhân trong xã hội**
21. Tại sao thị trường tài chính cần thể chế thị trường được duy trì trong nền kinh tế?
1. **Bởi vì tài sản tài chính gắn với yếu tố thời gian và cam kết hoàn trả**
  2. Bởi vì thị trường tài chính được thành lập trong thời gian gần đây
  3. Bởi vì nếu không có thể chế thì thị trường bị bóp méo bởi các hành vi phản cạnh tranh
  4. Bởi vì chúng ta cần tạo tính công bằng trong thị trường
22. Trong thị trường tài chính, nguồn vốn được di chuyển từ
1. Thông qua các trung gian tài chính
  2. **Các chủ thể thừa vốn đến các chủ thể thiếu vốn**
  3. Qua lại giữa các trung gian tài chính
  4. Các chủ thể thiếu vốn đến các chủ thể thừa vốn
23. Thị trường tiền tệ liên ngân hàng là
1. Thị trường dài hạn
  2. **Thị trường ngắn hạn**
  3. Nơi chỉ dành cho ngân hàng nhà nước
  4. Nơi chỉ dành cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức
24. Sở giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) là một ví dụ của
1. **Thị trường vốn**
  2. Thị trường ngắn hạn
  3. Thị trường phát hành
  4. Thị trường tiền tệ
25. Công cụ nào dưới đây là công cụ tài chính ngắn hạn?

1. **Hợp đồng mua lại (repo)**
  2. Cổ phiếu của công ty FLC
  3. Trái phiếu chính quyền địa phương
  4. Trái phiếu chính phủ với thời gian đáo hạn là 4 năm
26. Công cụ được coi là công cụ có mức độ rủi ro thấp nhất
1. Hối phiếu được chấp nhận
  2. Trái phiếu chính phủ
  3. **Tín phiếu kho bạc**
  4. Trái phiếu doanh nghiệp
27. Giao dịch nào mà “Ngân hàng TW sẽ bán chứng từ có giá cho các NHTM theo thời hạn và giá cả được xác định tại thời điểm giao đồng thời NHTW cam kết mua lại tại một thời điểm xác định được gọi là:
1. Giao dịch mua kì hạn
  2. **Giao dịch bán kì hạn**
  3. Giao dịch bán hần
  4. giao dịch mua hần
- 28: Công cụ chiết khấu được phát hành với giá
1. Cao hơn mệnh giá
  2. Bằng mệnh giá
  3. Bằng mệnh giá + lãi
  4. **Nhỏ hơn mệnh giá**
- 29: Công cụ này được gọi là công cụ có lãi suất Phi rủi ro
1. Thương phiếu
  2. Hối phiếu được chấp nhận
  3. **Tín phiếu kho bạc**
  4. Trái phiếu chính phủ
- 30: Trên thị trường vốn, người ta mua bán
1. **Trái phiếu ngân hàng**
  2. Thương phiếu
  3. Ngoại hối
  4. Chứng chỉ tiền gửi
- 31: Chức năng nào không phải chức năng của thị trường tiền tệ
1. Góp phần lành mạnh hóa lưu thông tiền tệ và ổn định giá trị đồng tiền
  2. Tạo lập và cung ứng vốn ngắn hạn cho nền kinh tế
  3. Tạo môi trường đầu tư an toàn và hiệu quả
  4. **Tạo thêm một kênh huy động vốn cho nền kinh tế**
- 32: Loại tài sản nào dưới đây được coi là tài sản tài chính
1. Tài sản vật chất
  2. Tài sản thật
  3. **Chứng khoán**
  4. Tài sản hữu hình
- 34: Đặc điểm nào sau đây là đặc trưng của thị trường tiền tệ
1. Cơ sở thực hiện giao dịch là dựa trên giá trị tài sản của các nhà đầu tư

2. Thị trường tiền tệ chủ yếu mua bán các công cụ tài chính dài hạn có kỳ hạn trên một năm
  3. Giao dịch tập trung được diễn ra tập trung tại một địa điểm cụ thể
  4. **Là tập hợp thị trường của một số công cụ tài chính riêng biệt**
- 35: Loại công cụ nào sau đây không được giao dịch trên thị trường mở
1. Tín phiếu kho bạc
  2. **Thương phiếu**
  3. Chứng chỉ tiền gửi
  4. Trái phiếu chính phủ
- 36: Khi so sánh chứng chỉ tiền gửi với tiền gửi tiết kiệm thông thường với cùng kỳ hạn thì công cụ có thể mua bán trao đổi là:
1. **Chứng chỉ tiền gửi**
  2. Hai công cụ đều có thể mua bán trao đổi
  3. Tùy trường hợp
  4. Tiền gửi tiết kiệm
- 37: Tín phiếu kho bạc là
1. Là chứng chỉ có giá trị ghi nhận yêu cầu thanh toán hoặc cam kết thanh toán vô điều kiện một số tiền nhất định trong một thời gian xác định
  2. Là giấy nhận nợ của ngân hàng trung ương đối với người mua tín phiếu do ngân hàng trung ương phát hành với mục đích điều hành chính sách tiền tệ
  3. **Là loại chứng nhận nợ ngắn hạn của chính phủ do kho bạc nhà nước phát hành nhằm bù đắp thâm hụt ngân sách tạm thời**
  4. Nhanh vãi lờ loại chứng nhận nợ dài hạn của chính phủ do kho bạc nhà nước phát hành nhằm bù đắp thâm hụt ngân sách tạm thời
38. Thị trường tiền tệ giao dịch những loại công cụ tài chính nào dưới đây?
1. Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHTW, Trái phiếu DN, hợp đồng mua lại.
  2. Trái phiếu Chính phủ, Trái phiếu DN, Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHTW.
  3. Hợp đồng mua lại, Thương phiếu, Trái phiếu Chính phủ, Cổ phiếu.
  4. **Tín phiếu kho bạc, Tín phiếu NHTW, Hợp đồng mua lại, chứng chỉ tiền gửi.**

#### Chương 4 : TTTC

**Câu 1: Điều nào sau đây không phải là ưu thế của chứng khoán phi vật chất khi so sánh với chứng khoán vật chất**

- A. Tính chân thực của chứng khoán được đảm bảo
- B. Thuận tiện cho quá trình giao dịch
- C. Tiết kiệm chi phí
- D. **Giá chứng khoán tăng mạnh hơn**

**Câu 2: Chủ thể nào dưới đây không thể huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán:**

- A. **Cá nhân**
- B. Các quỹ đầu tư

C. Công ty TNHH

D. Chính phủ

**Câu 3: Thị trường chứng khoán được đặc trưng bởi hình thức tài trợ**

A. Tài trợ gián tiếp

B. Tài trợ trực tiếp

C. Tự cung tự cấp

D. Tài trợ qua trung gian

**Câu 4: Điều nào sau đây không phải là chức năng của thị trường chứng khoán?**

A. Cung cấp khả năng thanh khoản cho các chứng khoán

B. Huy động vốn đầu tư dài hạn cho nền kinh tế

C. Đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn của các chủ thể trên thị trường

D. Cung cấp môi trường đầu tư cho công chúng

**Câu 5: Đặc trưng của thị trường chứng khoán là**

A. Thị trường chứng khoán về cơ bản là một thị trường hoạt động liên tục

B. Thị trường chứng khoán được đặc trưng bởi hình thức tài trợ trực tiếp

C. Thị trường chứng khoán gần với thị trường cạnh tranh hoàn hảo

D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 6: Điền vào chỗ trống: ... có mức độ rủi ro cao hơn ....**

A. Trái phiếu doanh nghiệp; trái phiếu chính phủ

B. Tín phiếu kho bạc; Chứng khoán phái sinh

C. Trái phiếu; Cổ phiếu

D. Tiền gửi tiết kiệm; Trái phiếu doanh nghiệp

**Câu 7: Đặc điểm nào dưới đây không phải đặc điểm của chứng khoán?**

A. Gắn với rủi ro

B. Có khả năng sinh lời

C. Có tính thanh khoản

D. Ngắn hạn

**Câu 8: Một trong những nguyên tắc của thị trường chứng khoán:**

A. Công khai

B. Trung gian, cạnh tranh

C. Tập trung

D. Tất cả đều đúng

**Câu 9: Nhà đầu tư gồm 2 nhóm là:**

A. Nhà đầu tư có tổ chức và nhà đầu tư không có tổ chức

B. Nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân

C. Nhà đầu tư nghiệp dư và nhà đầu tư chuyên nghiệp

D. Trái chủ và cổ đông

**Câu 10: Thị trường chứng khoán không giao dịch loại công cụ nào dưới đây:**

A. Cổ phiếu công ty ANZ

B. Hợp đồng tương lai chỉ số VN30

C. Trái phiếu chính phủ

D. **Tín phiếu kho bạc**

**Câu 11: Mục tiêu hoạt động của thị trường chứng khoán là**

- A. Điều hành công bằng
- B. Hoạt động có hiệu quả
- C. Phát triển ổn định
- D. **Tất cả các phương án đều đúng**

**Câu 12: Thị trường nào sau đây không phải là một bộ phận của thị trường chứng khoán?**

- A. **Thị trường tiền tệ**
- B. Thị trường trái phiếu
- C. Thị trường chứng khoán phái sinh
- D. Thị trường cổ phiếu

**Câu 13: Nhận định "Ở Việt Nam mới có thị trường giao dịch cổ phiếu và thị trường giao dịch trái phiếu, chưa có thị trường chứng khoán phái sinh" là đúng hay sai?**

- A. Đúng
- B. **Sai**
- C. Không thể xác định
- D. Vừa đúng lại vừa sai

**Câu 14: Hạn chế của kênh tài chính gián tiếp so với kênh tài chính trực tiếp là**

- A. Phải có tài sản thế chấp
- B. Khối lượng vốn cung ứng hạn chế
- C. Thời gian sử dụng vốn hạn chế
- D. **Tất cả các phương án đều đúng**

**Câu 15: Bộ phận nào của thị trường chứng khoán hoạt động liên tục**

- A. Thị trường phát hành cổ phiếu
- B. Thị trường phát hành trái phiếu
- C. Thị trường chứng khoán sơ cấp
- D. **Thị trường chứng khoán thứ cấp**

**Câu 16: Đặc điểm nào sau đây không phải đặc điểm của thị trường chứng khoán?**

- A. **Là thị trường cạnh tranh hoàn hảo**
- B. Đặc trưng bởi kênh tài chính trực tiếp
- C. Về cơ bản, là một thị trường hoạt động liên tục
- D. **Tất cả các đặc điểm đều đúng (bỏ)**

**Câu 17: Người nào sau đây được coi là chủ sở hữu chung của doanh nghiệp?**

- A. Người nắm giữ trái phiếu thế chấp
- B. **Người nắm giữ cổ phiếu phổ thông**
- C. Người nắm giữ giấy tờ
- D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 18: Căn cứ vào chủ thể phát hành, chứng khoán có thể chia thành**

- A. **Chứng khoán của chính phủ và CQDP, chứng khoán doanh nghiệp**



- B. Chứng khoán có thu nhập ổn định, chứng khoán có thu nhập biến đổi
- C. Cổ phiếu, trái phiếu
- D. Chứng khoán ghi danh, chứng khoán vô danh

**Câu 19: Căn cứ vào tính chất huy động vốn, chứng khoán có thể chia thành**

- A. Chứng khoán ghi danh, chứng khoán vô danh
- B. Chứng khoán của chính phủ và CQĐP, chứng khoán doanh nghiệp
- C. Chứng khoán có thu nhập ổn định, chứng khoán có thu nhập biến đổi
- D. **Cổ phiếu, trái phiếu**

**Câu 20: Loại hình doanh nghiệp nào được phép phát hành trái phiếu có quyền mua cổ phiếu?**

- A. Công ty TNHH 1 thành viên
- B. Công ty TNHH từ 2 thành viên trở lên
- C. **Công ty cổ phần**
- D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 21: Cơ quan nào quản lý thị trường chứng khoán Việt Nam?**

- A. Ngân hàng nhà nước
- B. Sở giao dịch chứng khoán, Công ty chứng khoán
- C. **Ủy ban chứng khoán nhà nước**
- D. Tất cả các phương án đều đúng

**Câu 22: Thị trường chứng khoán là một bộ phận của**

- A. Thị trường liên ngân hàng
- B. Thị trường tín dụng
- C. **Thị trường vốn**
- D. Thị trường mở

**Câu 23: Căn cứ vào mức độ ổn định lợi tức, chứng khoán có thể chia thành**

- A. Chứng khoán của chính phủ và CQĐP, chứng khoán doanh nghiệp
- B. **Chứng khoán có thu nhập ổn định, chứng khoán có thu nhập biến đổi**
- C. Cổ phiếu, trái phiếu
- D. Chứng khoán ghi danh, chứng khoán vô danh

**Câu 24: Căn cứ vào hình thức chứng khoán, có thể chia thành**

- A. Chứng khoán của chính phủ và CQĐP, chứng khoán doanh nghiệp
- B. Chứng khoán có thu nhập ổn định, chứng khoán có thu nhập biến đổi
- C. Cổ phiếu, trái phiếu
- D. **Chứng khoán ghi danh, chứng khoán vô danh**

**Câu 25: Nhà phát hành chứng khoán bao gồm**

- A. **Chính phủ, chính quyền địa phương và doanh nghiệp**
- B. Cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ
- C. Cá nhân, doanh nghiệp
- D. Cá nhân

**Câu 26: Khả năng sinh lời và mức độ rủi ro của chứng khoán có mối quan hệ**

- A. Vận động ngược chiều
- B. **Vận động cùng chiều**

- C. Không có mối quan hệ nào
- D. Không thay đổi theo thời gian

**Câu 27: "Những chủ thể có vốn, thực hiện bỏ vốn đầu tư chứng khoán với mục đích tìm kiếm lợi nhuận" là**

- A. Hiệp hội nhà tài trợ chứng khoán
- B. Nhà phát hành
- C. Công ty chứng khoán
- D. Nhà đầu tư

**Câu 28: Cơ cấu của thị trường chứng khoán căn cứ vào phương thức giao dịch chia thành:**

- A. TTCK sơ cấp và TTCK thứ cấp
- B. Thị trường giao ngay và thị trường tương lai
- C. Thị trường quá khứ và thị trường tương lai
- D. Thị trường ngắn hạn và thị trường dài hạn

**Câu 29: Nhà đầu tư chuyên nghiệp là ai?**

- A. Tổ chức đầu tư thường xuyên mua bán chứng khoán với số lượng lớn
- B. Nhà đầu tư có năng lực tài chính
- C. Nhà đầu tư có trình độ chuyên môn về chứng khoán
- D. Tất cả các phương án đều đúng

## CHƯƠNG 5

**Câu 1 : Trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ:**

- A. Làm tăng quyền lợi theo tỷ lệ của cổ đông trong công ty
- B. Không làm thay đổi tỷ lệ quyền sở hữu của cổ đông
- C. Giảm số lượng cổ phiếu đang lưu hành của công ty
- D. Không có câu nào đúng

**Câu 2 : Khi công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty mình thì số cổ phiếu đang lưu hành của công ty sẽ:**

- A. Tăng
- B. Giảm
- C. Không thay đổi
- D. Có thể tăng hoặc giảm

**Câu 3 : Một công ty cổ phần thông báo sẽ tiến hành tách cổ phiếu, điều này sẽ làm:**

- A. Không thay đổi gì
- B. Tăng giá cổ phiếu và giảm số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- C. Giảm giá cổ phiếu và tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- D. Tăng vốn góp chủ sở hữu của công ty

**Câu 4: Chính phủ có thể phát hành:**

- A. Trái phiếu chính phủ
- B. Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi
- C. Trái phiếu và cổ phiếu
- D. Tín phiếu và cổ phiếu

Câu 5: Các câu nào sau đây ĐÚNG với thị trường chứng khoán sơ cấp:

- A. Làm tăng lượng tiền trong lưu thông
- B. Không làm tăng lượng tiền trong lưu thông
- C. Làm tăng lượng vốn đầu tư cho nền kinh tế
- D. Giá phát hành do quan hệ cung cầu quyết định

Câu 6: Trong trường hợp xảy ra việc thanh lý tài sản công ty, các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông:

- A. Là chủ nợ nói chung
- B. Mất toàn bộ vốn đầu tư ban đầu
- C. Là những người có độ ưu tiên sau cùng trong việc trả nợ của công ty
- D. Được ưu tiên thanh toán trước nợ lương người lao động

Câu 7: Nhà đầu tư nắm giữ loại chứng khoán nào sau đây được coi là chủ sở hữu của công ty

I Cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường

II Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi

III Trái chủ nắm giữ trái phiếu

- A. I
- B. II
- C. I và II
- D. I, II và III

Câu 8: Người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu đều được hưởng

- A. Lãi suất cố định
- B. Thu nhập phụ thuộc vào hoạt động của công ty
- C. Được hưởng quyền bỏ phiếu tại đại hội đồng cổ đông của công ty
- D. Lãi suất từ vốn mà mình đầu tư vào công ty

Câu 9 : Điểm nào sau đây KHÔNG phải là lợi thế của cổ phiếu ưu đãi so với cổ phiếu thường:

- A. Quyền biểu quyết
- B. Quyền ưu tiên nhận cổ tức
- C. Quyền ưu tiên nhận phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản
- D. Quyền ưu tiên nhận cổ tức và phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản

Câu 10: “ Loại cổ phiếu mà công ty gặp khó khăn, không thanh toán được hoặc chỉ thanh toán một phần cổ tức, thì số chưa thanh toán đó được tích lũy hay cộng dồn “

- A. Cổ phiếu ưu đãi tích lũy
- B. Cổ phiếu ưu đãi tham dự
- C. Cổ phiếu ưu đãi có thể chuyển đổi
- D. Cổ phiếu ưu đãi có thể mua lại

Câu 11: Trường hợp nào doanh nghiệp sẽ lựa chọn chào bán chứng khoán ra công chúng thay vì phát hành riêng lẻ

- A. Doanh nghiệp không đủ điều kiện về vốn
- B. Doanh nghiệp cần huy động một lượng vốn nhỏ, muốn tiết kiệm chi phí
- C. Doanh nghiệp muốn gia tăng danh tiếng trên thị trường

- D. Doanh nghiệp muốn lựa chọn nhà đầu tư
- Câu 12: Tại sao điều kiện để phát hành ra công chúng lại khắt khe hơn phát hành riêng lẻ?
- A. Để dễ dàng quản lý
  - B. Để dễ dàng huy động vốn
  - C. Để thu phí phát hành
  - D. Để bảo vệ công chúng đầu tư**
- Câu 13: Mỗi công ty cổ phần thông báo sẽ tiến hành gộp cổ phiếu, điều này sẽ làm:
- A. Không thay đổi gì
  - B. Tăng giá cổ phiếu và giảm số lượng cổ phiếu đang lưu hành**
  - C. Giảm giá cổ phiếu và tăng số lượng cổ phiếu đang lưu hành
  - D. Tăng vốn góp chủ sở hữu của công ty
- Câu 14: Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng là quỹ :
- A. Được quyền mua lại các chứng khoán đã phát hành
  - B. Có thể được niêm yết chứng chỉ quỹ trên thị trường chứng khoán**
  - C. Phát hành chứng chỉ quỹ nhiều lần
  - D. Được quyền phát hành bổ sung ra công chúng
- Câu 15: Công ty cổ phần bắt buộc phải có
- A. Cổ phiếu ưu đãi
  - B. Trái phiếu công ty
  - C. Cổ phiếu phổ thông**
  - D. Tất cả các phương án trên đều đúng
- Câu 16: Trái phiếu có đặc điểm :
- A. Tất cả các đặc điểm đều đúng**
  - B. Khi công ty cổ phần phá sản hoặc giải thể, các trái chủ được ưu tiên phân chia tài sản còn lại trước các cổ đông
  - C. Có thời hạn tồn tại và được hoàn vốn khi đáo hạn
  - D. Thu nhập ổn định, lãi suất được ấn định từ khi phát hành
- Câu 17: Loại hình doanh nghiệp nào được phép phát hành cổ phiếu ưu đãi :
- A. Công ty TNHH 2 thành viên trở lên
  - B. Công ty TNHH 1 thành viên
  - C. Công ty cổ phần**
  - D. Doanh nghiệp tư nhân
- Câu 18: Điểm nào sau đây là lợi thế của cổ phiếu ưu đãi so với cổ phiếu thường
- A. Quyền biểu quyết
  - B. Quyền ưu tiên nhận cổ tức
  - C. Quyền ưu tiên nhận cổ tức và phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản**
  - D. Quyền ưu tiên nhận phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản
- Câu 19: Luận điểm nào khi nói về cổ đông ưu đãi:
- A. Được nhận phần giá trị tài sản thanh lý khi công ty phá sản giải thể trước các cổ đông phổ thông
  - B. Được quyền biểu quyết tại đại hội cổ đông**

- C. Được nhận cổ tức cố định trước các cổ đông phổ thông
  - D. Là chứng khoán lai giữa cổ phiếu phổ thông và trái phiếu
- Câu 20: Nghĩa vụ cơ bản của công ty có chứng khoán phát hành ra công chúng là :

- A. Tổ chức kinh doanh tốt
- B. Đảm bảo cho cổ phiếu của công ty luôn tăng giá
- C. Công bố thông tin chính xác, trung thực một cách thường xuyên và bất thường
- D. Trả cổ tức đều đặn hàng năm

Câu 21: Khi công ty phát hành thêm cổ phiếu mới, nếu KHÔNG ĐƯỢC hưởng quyền mua trước cổ phần mới thì quyền lợi của các cổ đông hiện hữu sẽ bị ảnh hưởng như thế nào?

- A. Tỷ lệ quyền sở hữu không thay đổi
- B. Giá cổ phiếu giảm xuống nên tài sản của cổ đông giảm xuống
- C. Cổ tức mà cổ đông nhận được sẽ tăng lên
- D. Không bị ảnh hưởng gì cả

Câu 22: Hình thức bảo lãnh phát hành trong đó đợt phát hành sẽ bị hủy bỏ nếu toàn bộ chứng khoán không được bán hết được gọi là

- A. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- B. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- C. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- D. Bảo lãnh dự phòng

Câu 23: Hình thức chào bán mà trong đó có nhà bảo lãnh phát hành cam kết sẽ mua toàn bộ chứng khoán của tổ chức phát hành cho dù họ có thể bán hết hay không, được gọi là:

- A. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- B. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- C. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- D. Bảo lãnh dự phòng

Câu 24: Hình thức chào bán trong đó lượng chứng khoán không bán được sẽ được trả lại cho tổ chức phát hành được gọi là:

- A. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
- B. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
- C. Bảo lãnh tất cả hoặc không
- D. Bảo lãnh dự phòng

Câu 25: Loại chứng khoán nào sau đây được coi là ít rủi ro nhất?

- A. Trái phiếu công ty có lãi suất thả nổi
- B. Trái phiếu công ty có lãi suất cố định
- C. Chứng chỉ quỹ
- D. Cổ phiếu thường

Câu 26: Mối quan hệ giữa thị giá trái phiếu và lãi suất thị trường?

- A. Ngược chiều
- B. Thuận chiều

- C. Không có quan hệ
- D. Không thể xác định

Câu 27: Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu:

- A. Có thể chuyển thành cổ phiếu thường vào một thời điểm được xác định trước trong tương lai
- B. Có thể chuyển thành cổ phiếu thường vào một thời điểm bất kỳ trong tương lai
- C. Có thể chuyển thành cổ phiếu ưu đãi vào một thời điểm được xác định trước trong tương lai
- D. Bắt buộc chuyển thành cổ phiếu thường vào một thời điểm được xác định trước trong tương lai

Câu 28: Loại trái phiếu nào thường có lãi suất thấp:

- A. Trái phiếu chuyển đổi
- B. Trái phiếu kèm chứng từ
- C. Cả trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng từ
- D. Trái phiếu có lãi suất cố định không có quyền đi kèm

Câu 29: Tổ chức nào KHÔNG ĐƯỢC phát hành trái phiếu:

- A. Công ty cổ phần
- B. Công ty hợp danh
- C. Doanh nghiệp nhà nước
- D. Công ty TNHH

Câu 30: Tài liệu nào là quan trọng nhất trong hồ sơ đăng ký phát hành chứng khoán?

- A. Bản cáo bạch
- B. Báo cáo tài chính
- C. Đơn xin phát hành
- D. Báo cáo hoạt động kinh doanh

Câu 31: Cổ đông phổ thông có quyền:

- A. Nhận cổ tức trước trái tức
- B. Bỏ phiếu
- C. Nhận thu nhập cố định
- D. Nhận thanh lý tài sản đầu tiên khi công ty phá sản

Câu 32: Nhà đầu tư nắm giữ loại chứng khoán nào sau đây được coi là chủ sở hữu của công ty?

- A. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường
- B. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi
- C. Trái chủ nắm giữ trái phiếu
- D. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi
- E. Cả 3 nhà đầu tư trên

Câu 33: Trong trường hợp xảy ra việc thanh lý tài sản công ty, các cổ đông nào nắm giữ cổ phiếu PHỔ THÔNG?

- A. Là chủ nợ nói chung
- B. Mất toàn bộ vốn đầu tư ban đầu

- C. Là những người có độ ưu tiên sau cùng trong việc trả nợ của công ty  
D. Được ưu tiên thanh toán trước nợ lương người lao động
- Câu 34: Điều nào sau đây KHÔNG PHẢI là lợi thế khi đầu tư vào trái phiếu?
- A. Trái phiếu có lợi nhuận tiềm năng không giới hạn  
B. Trái chủ nhận lợi tức trước cổ đông  
C. Trái chủ tương đối an toàn trước những thua lỗ lớn của doanh nghiệp  
D. Trái chủ nhận được phần tài sản thanh lý trước cổ đông
- Câu 35: Quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở là quỹ:
- A. Không mua lại chứng chỉ quỹ  
B. Liên tục phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ  
C. Có chứng chỉ quỹ được niêm yết trên thị trường chứng khoán  
D. Chỉ phát hành chứng chỉ quỹ 1 lần

Kiểm tra

Câu 1: Thị trường tài chính thứ cấp là thị trường:

1. Tất cả các phương án đều đúng
2. Tạo hàng hóa cho thị trường tài chính
3. Tạo tính thanh khoản cho các tài sản tài chính
4. Huy động vốn

Câu 2: Thị trường tài chính sơ cấp là thị trường:

1. Cung cấp các công cụ tài chính có mức sinh lời trong quá khứ cao nhất
2. Cung cấp số lượng tài sản tài chính lớn nhất
3. Liên quan đến việc giao dịch các công cụ tài chính được phát hành lần đầu
4. Cung cấp tài sản tài chính có mức sinh lời kỳ vọng cao nhất

Câu 3: Công cụ tài chính mà có thời hạn ít hơn 1 năm được gọi là:

1. Công cụ của thị trường tiền tệ
2. Công cụ của thị trường vốn
3. Công cụ chiết khấu
4. Công cụ tiết kiệm

Câu 4: Trong thị trường tài chính, nguồn vốn được di chuyển từ:

1. Các chủ thể thừa vốn đến các chủ thể thiếu vốn
2. Các chủ thể thiếu vốn đến các chủ thể thừa vốn
3. Thông qua các trung gian tài chính
4. Qua lại giữa những trung gian tài chính

Câu 5: Tại sao thị trường tài chính cần thể chế thị trường được duy trì trong nền kinh tế?

1. Bởi vì chúng ta cần tạo tính công bằng trong thị trường



2. Bởi vì nếu không có thể chế thì thị trường bị bóp méo bởi các hành vi phản cạnh tranh
3. Bởi vì thị trường tài chính được thành lập trong thời gian gần đây
4. **Bởi vì tài sản tài chính gắn với yếu tố thời gian và cam kết hoàn trả**

Câu 6: Thị trường chứng khoán được đặc trưng bởi hình thức tài trợ:

1. **Tài trợ trực tiếp**
2. Tài trợ gián tiếp
3. Tài trợ qua trung gian
4. Tự cung tự cấp

Câu 7: Thị trường nào sau đây không phải là một bộ phận của thị trường chứng khoán?

1. Thị trường CK phái sinh
2. Thị trường cổ phiếu
3. **Thị trường tiền tệ**
4. Thị trường trái phiếu

Câu 8: Trái phiếu chỉ được đảm bảo bởi uy tín của doanh nghiệp phát hành được gọi là?

1. Trái phiếu rủi ro thấp
2. Trái phiếu bảo đảm
3. Trái phiếu rủi ro cao
4. **Trái phiếu không bảo đảm**

Câu 9: Nhà đầu tư nắm giữ loại CK nào sau đây được gọi là chủ sở hữu của công ty

1. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu thường
2. Cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi
3. Trái chủ nắm giữ trái phiếu
1. I
2. **I và II**
3. I, II và III
4. II

Câu 10: Điều nào sau đây không phải là lợi thế khi đầu tư vào trái phiếu?

1. Trái chủ nhận lợi tức trước cổ đông
2. **Trái phiếu có lợi nhuận tiềm năng không giới hạn**
3. Trái chủ tương đối an toàn trước những thua lỗ lớn của doanh nghiệp
4. Trái chủ nhận được phần tài sản thanh lý trước cổ đông

Câu 11: Trường hợp nào doanh nghiệp sẽ lựa chọn chào bán CK ra công chúng thay vì phát hành riêng lẻ?

1. DN cần huy động một lượng vốn nhỏ, muốn tiết kiệm chi phí
2. **DN muốn gia tăng danh tiếng trên thị trường**
3. DN muốn lựa chọn NĐT
4. DN không đủ điều kiện về vốn

Câu 12: Khi công ty mua lại cổ phiếu của chính công ty mình thì số cổ phiếu đang lưu hành của công ty sẽ?



1. Không thay đổi
2. Tăng
3. Giảm
4. Có thể tăng, hoặc giảm

Câu 13: NĐT đặt lệnh mua bán CK niêm yết tại:

1. Công ty CK
2. Ủy ban CK
3. Trung tâm giao dịch CK, Sở giao dịch CK
4. Thị trường OTC

Câu 14: Đơn vị yết giá là gì:

1. Là khoảng dao động giá CK trong ngày giao dịch so với giá tham chiếu
2. Tất cả các phương án đều đúng
3. Là đơn vị tiền tệ tối thiểu mà giá có thể thay đổi trong việc đặt lệnh và giao dịch CK
4. Là một khối lượng CK thích hợp được lựa chọn làm đơn vị giao dịch chuẩn trong giao dịch

Câu 15: Giả sử trong phiên khớp lệnh liên tục, một sàn giao dịch nhận được các lệnh mua cổ phiếu A như sau:

Giá	50,100	50,200	50,300
Khối lượng	100	200	100

Một nhà đầu tư đặt lệnh giới hạn bán (LO) với mức giá 50,200 và khối lượng và 100 cổ phiếu. Giá khớp lệnh của cổ phiếu A là bao nhiêu?

1. 50,300 VND
2. 50,000 VND
3. 50,100 VND
4. 50,200 VND

Câu 16: Giả sử trong phiên khớp lệnh liên tục, một sàn giao dịch nhận được các lệnh bán cổ phiếu A như sau:

Giá	48,100	48,200	48,400
Khối lượng	100	200	100

Một NĐT đặt lệnh Thị trường mua (MP) với khối lượng là 100 cổ phiếu. Giá khớp lệnh của cổ phiếu A là bao nhiêu? (**Lệnh bán ưu tiên mức giá thấp hơn; lệnh mua ưu tiên giá cao hơn**)

1. 48,100 VND
2. 48,200 VND
3. 48,300 VND
4. 48,400 VND

Câu 17: Giả sử trong phiên khớp lệnh liên tục, một sàn giao dịch nhận được các lệnh mua cổ phiếu A như sau:

Giá	60,100	60,200	60,300
Khối lượng	100	200	100

Một NĐT đặt lệnh Thị trường bán (MP) với khối lượng là 100 cổ phiếu. Giá khớp lệnh của cổ phiếu A là bao nhiêu?

1. 60,300 VND
2. 60,200 VND
3. 60,000 VND
4. 60,100 VND

Câu 18: các chỉ tiêu nào sau đây không phải là chỉ tiêu phân tích cơ bản:

1. Chỉ số giá của thị trường CK
2. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của công ty
3. Các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của công ty
4. Tỷ số P/E

Câu 19: Nếu lãi suất đáo hạn (YTM) thấp hơn lãi suất coupon thì trái phiếu có mệnh giá 100.000đ được bán với giá:

1. Cao hơn 100.000đ
2. Không thể xác định được
3. Bằng 100.000đ
4. Thấp hơn 100.000đ

Câu 20: Một trái phiếu có đặc trưng sau:

- Mệnh giá: 100.000đ
- Lãi suất danh nghĩa: 12%/năm. Trả lãi mỗi năm một lần vào cuối năm.
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Giá phát hành: 101% mệnh giá.

Nhà đầu tư A đã mua TP ở thời điểm phát hành cách đây 2 năm và đã nhận lãi 2 lần. Hiện A đã bán TP trên thị trường với giá 94.000đ/TP. Giả sử NĐT B mua TP của A và dự định nắm giữ trong 1 năm rồi bán. Vậy B có thể bán với giá bao nhiêu? Biết rằng lãi suất thị trường đang ổn định ở mức 13%/năm.

1. 94.000 VND
2. 100.000 VND
3. 98.331 VND
4. 97.638 VND

Câu 21: Một trái phiếu có đặc trưng sau:

- Mệnh giá: 500.000đ
- Lãi suất danh nghĩa: 10%/năm. Trả lãi mỗi năm một lần vào cuối năm.
- Thời hạn trái phiếu: 7 năm. TP đã lưu hành được 4 năm và đã trả lãi 4 lần.
- Giá phát hành: 102% mệnh giá.
- Giá thị trường hiện hành: 445.000đ/TP

NĐT X đang muốn đầu tư vào TP trên. Nếu đầu tư, tỷ suất sinh lời cần đạt được là 14%/năm. Tính giá ước định của TP vào thời điểm hiện tại.

1. 441.725đ

2. 500.000đ
3. 414.233đ
4. 453.567đ

Câu 22: Khả năng xảy ra của kinh tế ở 5 mức độ là như nhau trong năm sau. Dưới đây là mức sinh lời đối với cổ phiếu P và Q trong từng tình trạng:

Tình trạng kinh tế	Cổ phiếu P	Cổ phiếu Q
1	4%	5%
2	6%	7%
3	9%	11%
4	5%	14%
5	11%	8%

Yêu cầu: Xác định mức sinh lời kỳ vọng đối với cổ phiếu P và Q lần lượt là:

1. 9% và 7%
2. 9% và 8%
3. 8% và 9%
4. 7% và 9%

Câu 22: Giả sử chỉ số VN-Index hiện đang là 420 điểm. Để dự đoán giá trị chỉ số sau 1 năm nữa, bằng phương pháp điều tra mẫu, các chuyên gia CK đã có số liệu như sau:

VN Index (1 năm sau)	Số người dự đoán
350	100
430	300
500	100
520	300
600	200

Yêu cầu: Dựa trên kết quả nghiên cứu trên. Hãy dự báo mức sinh lời kỳ vọng khi đầu tư vào VN-Index?

1. 70.01%
2. 20.25%
3. 18%
4. 16.67%

Câu 24: Công ty cổ phần X có tình hình sau:

Tổng số cổ phiếu thường đã phát hành đến đầu năm N là 1.304.000 cổ phiếu.

Tổng lợi nhuận trước thuế năm N: 4.000 triệu đồng, thuế suất thuế TNDN là 20%.

Trong tháng 3/N, công ty mua lại 254.000 cổ phiếu thường và đã hoàn thành việc thanh toán.

Tháng 12/N, công ty công bố hệ số chi trả cổ tức là 0,8 và trả một lần từ 20/12/N đến 30/12/N.

Yêu cầu: Tính cổ tức năm N của công ty X?

1. 2.450đ
2. 2.440đ
3. 1.960đ
4. 3.050đ

Câu 25: Công ty cổ phần X có một số tình hình sau:

Công ty đã phát hành 2 loại cổ phiếu: Cổ phiếu thường và cổ phiếu ưu đãi (loại tích lũy và không tham dự):

- 300.000 cổ phiếu thường với mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu
- 24.000 cổ phiếu ưu đãi với mệnh giá 10.000đ/cổ phiếu và cổ tức là 10%/năm.

Theo BCKQHĐKD, lợi nhuận trước thuế của công ty năm N là 640 triệu đồng. Công ty phải nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

Trong tháng 1 năm N, công ty đã hoàn thành việc mua lại 30.000 cổ phiếu thường và đã hoàn thành việc thanh toán/

Ngày 31/12/N, công ty công bố hệ số chi trả cổ tức năm N là 0,7 và hoàn thành việc chi trả cổ tức trước ngày 20/01/N+1

Yêu cầu: Tính cổ tức năm N của công ty X?

1. 1137,67 VND
2. 1807,41 VND
3. 1327,41 VND
4. 1265,19 VND

Đề Kiểm Tra 2

Câu 1: Thị trường mua bán cổ phiếu là

1. Thị trường ngoại hối
2. Thị trường tiền tệ
3. Thị trường nợ
4. Thị trường vốn cổ phần

Câu 2: Đối với công cuộc chiết khấu lúc đáo hạn nhà đầu tư được hoàn trả số tiền?

1. Bằng mệnh giá cộng với một khoản lãi
2. Bằng mệnh giá
3. Lớn hơn mệnh giá
4. Nhỏ hơn mệnh giá

Câu 3: Các giao dịch chủ yếu trên thị trường liên ngân hàng

1. Tất cả các phương án đều đúng
2. Vay và cho vay để bổ sung nguồn vốn ngắn hạn của các ngân hàng thương mại
3. Cho vay thanh toán

4. Bảo lãnh ngân hàng

Câu 4: Khi so sánh chứng chỉ tiền gửi với Tiết kiệm thông thường với cùng kỳ hạn Thì lãi suất của chứng chỉ gửi tiền thường

1. Cao hơn
2. Bằng nhau
3. Thấp hơn
4. Tùy trường hợp

Câu 5: Trong kênh tài trợ gián tiếp của thị trường tài chính

1. Những chủ thể thừa vốn giữ vốn lại cất trong két sắt
2. Những chủ thể thừa vốn sẽ trực tiếp cho những chủ thể thiếu vốn bằng cách mua những tài sản chính trực tiếp được phát hành bởi các chủ thể thiếu vốn thông qua thị trường tài chính
3. Những chủ thể thừa vốn cả kênh trực tiếp và gián tiếp chuyển vốn cho những chủ thể thiếu vốn
4. Những chủ thể thừa vốn không trực tiếp cho những chủ thể thiếu vốn vay mà thông qua các trung gian tài chính như ngân hàng và các tổ chức tài chính khác

Câu 6: Trường hợp nào doanh nghiệp sẽ lựa chọn chào bán chứng khoán ra công chúng thay vì phát hành riêng lẻ

1. Doanh nghiệp muốn gia tăng danh tiếng trên thị trường
2. Doanh nghiệp không đủ điều kiện về vốn
3. Doanh nghiệp cần huy động một lượng vốn nhỏ, muốn tiết kiệm chi phí
4. Doanh nghiệp muốn lựa chọn nhà đầu tư

Câu 7: Nếu lãi suất đáo hạn ( YTM) cao hơn lãi suất coupon thì trái phiếu có mệnh giá 100.000đ được bán với giá

1. Không thể xác định được
2. Cao hơn 100.000 đồng
3. Thấp hơn 100.000 đồng
4. Bằng 100.000 đồng

Câu 8: Sắp xếp các công cụ sau theo thứ tự rủi ro tăng dần

1. Trái phiếu, tín phiếu kho bạc, cổ phiếu
2. Trái phiếu, cổ phiếu, tín phiếu kho bạc
3. Cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu kho bạc
4. Tín phiếu kho bạc, trái phiếu, cổ phiếu

Câu 9: Điều kiện nào sau đây **Không** phải là điều kiện để niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HoSE)

1. Có tối thiểu 20 % cổ phiếu vào có quyền biểu quyết do ít nhất 300 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ
2. Công ty hoạt động ít nhất hai năm dưới hình thức công ty cổ phần tính đến thời điểm niêm yết
3. Lợi nhuận gần nhất đạt ít nhất 5 % số vốn
4. Vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng trở lên

Câu 10: Chữ C trong OTC là viết tắt của từ nào trong tiếng anh sau đây

1. Counter
2. Customer
3. Control
4. Call

Câu 11: Cổ phiếu quỹ:

Là một phần cổ phiếu chưa được phép phát hành

1. Được chia cổ tức
2. Người sở hữu có quyền biểu quyết
3. Là loại cổ phiếu được phát hành và được tổ chức phát hành mua lại trên thị trường

Câu 12: Khi công ty phát hành thêm cổ phiếu mới, nếu **Không** được quyền mua trước cổ phần mới thì quyền lợi của các cổ đông hiện hữu sẽ bị ảnh hưởng như thế nào.?

1. Không bị ảnh hưởng gì cả
2. Cổ tức mà cổ đông nhận được sẽ tăng lên
3. Tỷ lệ quyền sở hữu không thay đổi
4. Giá cổ phiếu giảm xuống nên tài sản của cổ đông giảm xuống

Câu 13: Điểm nào sau đây **Không** phải là lợi thế của cổ phiếu ưu đãi so với cổ phiếu thường

1. Quyền ưu tiên nhận cổ tức và phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản
2. Quyền ưu tiên nhận phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản
3. Quyền biểu quyết
4. Quyền ưu tiên nhận cổ tức

Câu 14: Trái phiếu chỉ được đảm bảo bởi uy tín của doanh nghiệp phát hành được gọi là

1. Trái phiếu rủi ro cao
2. Trái phiếu đảm bảo
3. Trái phiếu rủi ro thấp
4. Trái phiếu không đảm bảo

Câu 15: Đặc trưng của thị trường chứng khoán là

1. Tất cả các phương án đều đúng
2. Thị trường chứng khoán về cơ bản là một thị trường hoạt động liên tục
3. Thị trường chứng khoán được đặc trưng bởi hình thức tài trợ trực tiếp
4. Thị trường chứng khoán gắn liền với thị trường cạnh tranh hoàn hảo

Câu 16: Căn cứ vào tính chất huy động vốn chứng khoán có thể chia thành

1. Chứng khoán của chính phủ và CQĐP, chứng khoán doanh nghiệp
2. Chứng khoán có thu nhập ổn định, chứng khoán có thu nhập biến đổi
3. Chứng khoán ghi danh, chứng khoán vô danh
4. Cổ phiếu, trái phiếu

### Đề 3:

Câu 1: Điền vào chỗ trống:” \_\_\_\_ có thu nhập lớn hơn chỉ tiêu trong một giai đoạn nhất định”

1. Chủ thể thiếu vốn
2. Ngân hàng thương mại
3. **Chủ thể thừa vốn**
4. Người đi vay

Câu 2: Thị trường tiền gửi và cho vay là thị trường giao dịch tiền tệ giữa:

1. Các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng với nhau
2. Các doanh nghiệp và các tổ chức và cá nhân trong xã hội
3. Ngân hàng TW và các tổ chức tín dụng
4. **Các tổ chức tín dụng và các cá nhân, tổ chức trong xã hội.**

Câu 3: Giao dịch mà “Ngân hàng TW sẽ bán chứng từ có giá cho các NHTM theo thời hạn và giá cả được xác định tại thời điểm giao dịch, đồng thời NHTW cam kết mua lại tại một thời điểm xác định” được gọi là?

1. **Giao dịch bán kỳ hạn**
2. Giao dịch mua kỳ hạn
3. Giao dịch bán hần
4. Giao dịch mua hần

Câu 4: Một ngân hàng TW muốn giảm tỷ lệ lạm phát thì về cơ bản có thể

1. **Bán trái phiếu chính phủ cho hệ thống NHTW**
2. Mua chứng chỉ tiền gửi
3. Mua tín phiếu kho bạc
4. Dùng VND để mua USD

Câu 5: Tài sản nào sau đây KHÔNG phải là tài sản tài chính

1. **Máy móc**
2. Cổ phiếu
3. Trái phiếu
4. Tất cả các phương án đều không phải.

Câu 6: Chủ thể nào dưới đây không thể huy động vốn thông qua thị trường chứng khoán

1. Chính phủ
2. **Cá nhân**
3. Các quỹ đầu tư
4. Công ty TNHH

Câu 7: Loại hình doanh nghiệp nào được phép phát hành trái phiếu có quyền mua cổ phiếu

1. Công ty TNHH 1 thành viên
2. **Công ty cổ phần**
3. Tất cả phương án đều đúng
4. Công ty TNHH từ 2 thành viên trở lên

Câu 8: Người sở hữu cổ phiếu và trái phiếu đều được hưởng

1. Lãi suất cố định
2. Thu nhập phụ thuộc vào hoạt động của công ty
3. **Lãi suất từ vốn mà mình đầu tư vào công ty**
4. Được hưởng quyền bỏ phiếu tại đại hội đồng cổ đông của công ty

Câu 9: Khi thanh lý tài sản của công ty trong trường hợp công ty phá sản, người giữ trái phiếu sẽ được hoàn trả

1. Trước những cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi và cổ phiếu phổ thông
2. Trước thuế
3. Trước các khoản vay ngân hàng và các khoản phải trả
4. Sau các khoản vay ngân hàng và các khoản phải trả

Câu 10: Ưu điểm của Trái phiếu có thể chuyển đổi không bao gồm

1. Giúp nhà đầu tư nhận lãi cố định trước khi chuyển đổi
2. Giúp công ty giảm nặng nề về thuế trước khi chuyển đổi
3. Giúp công ty tăng uy tín trên thị trường
4. Có thể chuyển đổi thành cổ phiếu khi giá cổ phiếu tăng

Câu 11: Điểm nào sau đây KHÔNG phải là lợi thế của cổ phiếu ưu đãi so với cổ phiếu thường

1. Quyền ưu tiên nhận cổ tức và phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản
2. Quyền biểu quyết
3. Quyền ưu tiên nhận cổ tức
4. Quyền ưu tiên nhận phần tài sản thanh lý khi công ty phá sản

Câu 12: Hình thức chào bán trong đó lượng chứng khoán không bán được trả lại cho tổ chức phát hành được gọi là

1. Bảo lãnh tất cả hoặc không
2. Bảo lãnh với cố gắng tối đa
3. Bảo lãnh với cam kết chắc chắn
4. Bảo lãnh dự phòng

Câu 13: Đơn vị yết giá đối với các cổ phiếu có giá dưới 10.000 VNĐ trên sàn HoSE (Ho Chi Minh Stock Exchange) là

1. 50đ
2. 100đ
3. 10đ
4. 150đ

Câu 14: Đơn vị yết giá là gì

1. Là khoảng dao động giá chứng khoán trong ngày giao dịch so với giá tham chiếu
2. Tất cả các phương án đều đúng
3. Là đơn vị tiền tệ tối thiểu mà giá có thể thay đổi trong việc đặt lệnh và giao dịch chứng khoán
4. Là một khối lượng chứng khoán thích hợp được lựa chọn làm đơn vị giao dịch chuẩn trong giao dịch

Câu 15: Trong phiên khớp lệnh liên tục, có các lệnh giới hạn bán được chuyển vào Sở giao dịch chứng khoán. Hãy sắp xếp lại các lệnh dưới đây theo thứ tự ưu tiên

Số hiệu lệnh	Giá (nghìn đồng)



1	38.5
2	38.6
3	38.4

1. 1,2,3
2. 2,1,3
3. **3,1,2**
4. 3,2,1

Câu 16: Giả sử trong phiên khớp lệnh liên tục, một sàn giao dịch nhận được các lệnh bán cổ phiếu sau:

Giá	50.100	50.200	50.300
Khối lượng	100	200	100

Một nhà đầu tư đặt lệnh Thị trường mua (MP) với khối lượng là 100 cổ phiếu, giá khớp lệnh của cổ phiếu A là bao nhiêu?

1. 50.300 VNĐ
2. 50.000 VNĐ
3. 50.200 VNĐ
4. **50.100 VNĐ**

Câu 17: Giả sử trong phiên khớp lệnh liên tục, một sàn giao dịch nhận được các lệnh mua cổ phiếu A như sau:

Giá	50.100	50.200	50.300
Khối lượng	100	200	100

Một nhà đầu tư đặt lệnh giới hạn bán (LO) với mức giá 50.200 khối lượng là 100 cổ phiếu, giá khớp lệnh của cổ phiếu A là bao nhiêu?

1. **50.300 VNĐ**
2. 50.000 VNĐ
3. **50.100 VNĐ**
4. 50.200 VNĐ

Câu 18: Nếu lãi suất đáo hạn (YTM) bằng với lãi suất coupon thì trái phiếu có mệnh giá 100.000đ được bán với giá

1. Cao hơn 100.000đ
2. **Bằng 100.000đ**
3. Không thể xác định được
4. Thấp hơn 100.000đ

Câu 19: Nếu một trái phiếu được bán với giá cao hơn mệnh giá thì

1. **Lãi suất hiện hành của trái phiếu < lãi suất danh nghĩa của trái phiếu**
2. Lãi suất hiện hành của trái phiếu > lãi suất danh nghĩa của trái phiếu

3. Không có cơ sở để so sánh
4. Lãi suất hiện hành của trái phiếu = lãi suất danh nghĩa của trái phiếu

Câu 20: Một trái phiếu có đặc trưng sau

- Mệnh giá: 500.000đ
  - Lãi suất danh nghĩa 10%/năm. Trả lãi mỗi năm một lần vào cuối năm
  - Thời hạn trái phiếu: 7 năm. Trái phiếu đã lưu hành được 4 năm và trả lãi 4 lần
  - Giá phát hành: 102% mệnh giá
  - Giá thị trường hiện hành: 445.000 đ/trái phiếu
  - NĐT Y đã mua trái phiếu trên tại thời điểm phát hành và hiện tại đã bán đi. Tính lãi suất hoàn vốn nội bộ trong TH đầu tư của NĐT Y?
1. 6.93%
  2. 9.38%
  3. 7.55%
  4. Không xác định được

Câu 21: Một trái phiếu có đặc trưng sau

- Mệnh giá: 100.000đ
  - Lãi suất danh nghĩa 12%/năm. Trả lãi mỗi năm một lần vào cuối năm
  - Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
  - Giá phát hành: 101% mệnh giá
  - NĐT A đã mua trái phiếu trên tại thời điểm phát hành cách đây 2 năm và đã nhận lãi 2 lần. Hiện A đã bán trái phiếu trên thị trường với giá 94.000đ/trái phiếu
- Xác định lãi suất hoàn vốn nội bộ trong trường hợp đầu tư trên
1. 9.13%
  2. 8.56%
  3. 11.42%
  4. 11.73%

Câu 22: Khả năng xảy ra của kinh tế ở 5 mức độ là như nhau trong năm sau. Dưới đây là mức sinh lời đối với cổ phiếu P và Q trong từng tình trạng:

Tình trạng kinh tế	Cổ phiếu P	Cổ phiếu Q
1	4%	5%
2	6%	7%
3	9%	11%
4	5%	14%
5	11%	8%

Yêu cầu: Xác định mức sinh lời kỳ vọng đối với cổ phiếu P và Q lần lượt là:

1. 9% và 7%

2. 9% và 8%
3. 8% và 9%
4. 7% và 9%

Câu 23: Có số liệu về cổ phiếu X theo bảng sau:

Tình trạng kinh tế	Xác suất	Lợi suất đầu tư
Suy thoái	25%	9%
Bình thường	15%	10%
Khá	35%	12%
Hưng thịnh	25%	5%

Xác định tỷ suất sinh lời kỳ vọng khi đầu tư vào cổ phiếu X

1. 2.69%
2. 8.8%
3. 9.2%
4. 9%

Câu 24: Một công ty X chi trả cổ tức năm N là 1.265VNĐ. chiến lược phân chia lợi tức của công ty như sau: 2 năm tới mức tăng cổ tức là 13%/năm, sau đó duy trì mức độ tăng cổ tức đều đặn hằng năm là 8%/năm.

Yêu cầu: Hiện tại vào đầu năm N+1, một nhà đầu tư định đầu tư vào cổ phiếu X. Đưa ra lời khuyên cho nhà đầu tư.

Biết rằng:

- Cổ phiếu X hiện đang giao dịch trên thị trường với giá là 39.400đ/cp
  - Tỷ suất sinh lợi kỳ vọng của nhà đầu tư là 12%/năm
1. Nên đầu tư
  2. Không nên đầu tư
  3. Không đủ dữ kiện
  4. Tùy từng TH

Câu 25: Một công ty X chi trả cổ tức năm N là 2000đ. Theo chiến lược phân chia Lợi tức cổ phần của công ty trong 3 năm tới (N+1, N+2, N+3) duy trì mức tăng cổ tức 15%/năm, 2 năm tiếp theo (N+4, N+5) mức tăng cổ tức 12%/năm. Những năm sau đó cổ tức tăng đều đặn là 6%/năm. Tỷ suất sinh lợi yêu cầu của nhà đầu tư là 10%/năm

Yêu cầu: Ước định giá cổ phiếu của công ty tại thời điểm 1/1/N+1

1. 74.041 đ
2. 58.956đ
3. không thể xác định được
4. 68.233đ

câu 13: một công ty phát hành 1tr cổ phiếu phổ thông với giá 10k, đã bán hết trong đợt phát hành. một thời gian sau giá cổ phiếu này trên thị trường là 12k. tại ngày này vốn cổ đông của công ty sẽ:

1. chuyển 2 tỷ từ nợ sang vốn
2. tăng lên 2 tỷ
3. không thay đổi
4. giảm đi 2 tỷ